

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH ĐÀO TẠO: KỸ THUẬT CƠ KHÍ
MÃ NGÀNH: 8520103
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Hải Phòng - 2025

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Chữ viết đầy đủ
1	CBQL:	Cán bộ quản lý
2	CGCN:	Chuyên gia công nghệ
3	CNKT:	Công nghệ kỹ thuật
4	CNTT:	Công nghệ thông tin
5	CTĐT:	Chương trình đào tạo
6	CSVC:	Cơ sở vật chất
7	CVHT:	Cổ vấn học tập
8	ĐBCL:	Đảm bảo chất lượng
9	ĐH:	Đại học
10	GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
11	GV:	Giảng viên
12	GVCN:	Giảng viên chủ nhiệm
13	KĐCLGD:	Kiểm định chất lượng giáo dục
14	KHCN:	Khoa học và công nghệ
15	NCKH:	Nghiên cứu khoa học
16	PVCĐ:	Phục vụ cộng đồng
17	QLCL:	Quản lý chất lượng
18	HV:	Học viên
19	TC:	Tín chỉ

MỤC LỤC

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	1
I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ	1
1.2. Giới thiệu về khoa Cơ khí	10
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	12
2.1. Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới giáo dục đại học.	12
2.2. Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực về thạc sĩ kỹ thuật cơ khí trong nước và địa phương..	14
2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ.....	16
III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ	17
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT	18
3.2. Chương trình đào tạo tham khảo	18
3.3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	20
3.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	30
3.5. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.....	31
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	32
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT	32
4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học	35
4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên.....	49
V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	49
5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học	49
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo	53
VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO	59
6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo.....	59
6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở.....	60
VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO	60
7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành.....	60
7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	62
VIII. TỰ ĐÁNH GIÁ	63
PHẦN 2: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần.....	30
Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP thuộc CTĐT ngành Kỹ thuật cơ khí	33
Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học.....	35
Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học 3	40
Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	50
Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy	51
Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện	54
Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Kỹ thuật cơ khí.....	55

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ	8
Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường.....	8

Hải Phòng, ngày tháng 12 năm 2025

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 56 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. Vị trí, chức năng

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

1.1.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào

tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông dọc, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, đào tạo chuyên tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thỏa thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hóa và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục: “Toàn diện – Sáng tạo – Thích ứng”.

Sứ mạng: “Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số, phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu xã hội; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức; kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn đến năm 2045: “Phát triển Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng, địa phương; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cho địa phương và đất nước”.

Giá trị cốt lõi: “Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến”.

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác bảo đảm chất lượng và xây dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, Nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDĐT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có 247 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 184 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 49 (chiếm 26,7%); thạc sĩ 135 người (chiếm 73,3%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có

uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo các ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ thực phẩm hóa học; Công nghệ thông tin; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Công nghệ dệt, may; Việt Nam học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật điện tử). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2020 ÷ 2025, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng 68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2020 ÷ 2025, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố 708 bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí và hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó, có 69 bài báo, báo cáo khoa học công bố trên các tạp chí, hội nghị khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI, Scopus. Biên soạn, xuất bản 34 sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình được áp dụng vào quá trình đào tạo và NCKH. Tính đến năm 2025, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ đã có 04 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0,25 ÷ 0,5 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hóa, Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham gia cuộc thi toàn quốc và có 46 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội đạt giải Ba toàn quốc năm 2019.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hòa Pháp, Liên bang Nga,... Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi nghiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

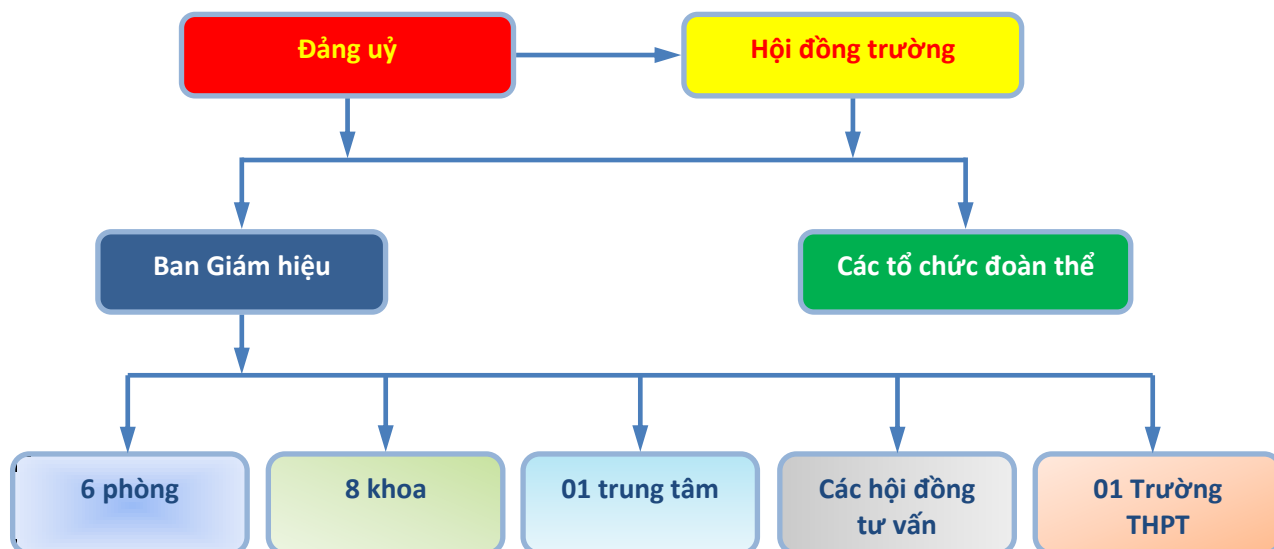
1.1.5. Cơ sở vật chất

Nhà trường hiện có 02 cơ sở đào tạo tại P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và 01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m^2 ; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m^2 . Trong những năm qua, Nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên. Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in.

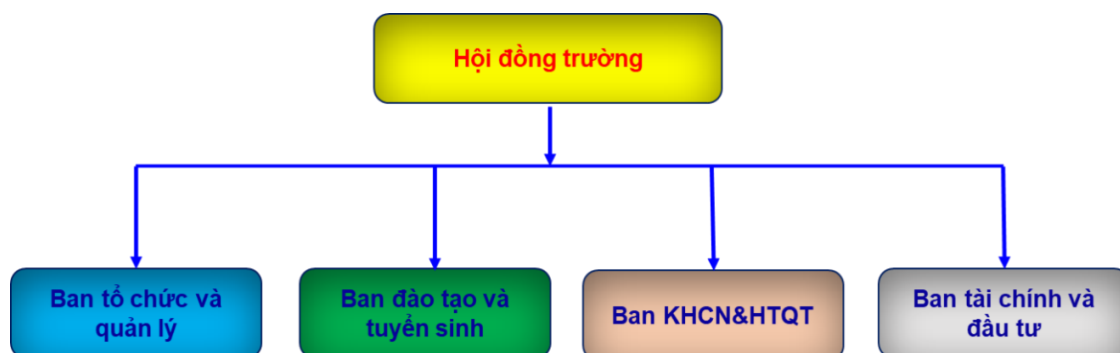
1.1.6. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH đảng ủy, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm, 08 khoa, 01 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng

Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Trường đã có 56 truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng và nhiệm vụ chính của trường là: Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ cộng đồng. Nhà trường có tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi như sau:



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ
Cơ cấu tổ chức của hội đồng trường



Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trường Đại học Sao Đỏ đã trải qua 1/2 thế kỷ xây dựng và phát triển. Trường liên tục đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc và được các cấp khen thưởng, các Bộ ngành tặng thưởng 46 cờ thi đua xuất sắc, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 26 Huân chương, trong đó: 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất, 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; 02 Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba; 01 Huân

chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Ba,... Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công An, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Cờ, Bằng khen; Ủy ban Nhân dân tỉnh Công nhận danh hiệu Cơ quan văn hóa, đơn vị an toàn về an ninh trật tự... và nhiều phần thưởng khác như Cúp vàng ISO; Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững; Giải thưởng "Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam - VIFOTEC"; năm 2025 Nhà trường đạt trong Top 20 thương Hiệu vàng Việt Nam.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:
- + Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.
- + Tên tiếng Anh: Sao Do University (SDU).
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.
- Địa chỉ:
- + Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P.Chu Văn An, TP.Hải Phòng.
- + Cơ sở 2: Số 72, KDC Thái Học, P.Chu Văn An, TP.Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ:
- + Điện thoại: 02203882269; Số fax: 02203882921.
- + Email: info@saodo.edu.vn; Website: <http://saodo.edu.vn>;

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Kỹ thuật cơ khí
 - Mã ngành: 8520103
 - Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
 - Phương thức tuyển sinh: Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo các phương thức: Thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành.
 - + Phương thức thi tuyển: thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh do Trường đại học Sao Đỏ tổ chức, gồm 03 môn:
 - Môn cơ bản: Toán cao cấp.
 - Môn cơ sở ngành: Sức bền vật liệu.
 - Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh (hoặc Tiếng Trung Quốc).
- Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu có văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.*

+ Phương thức xét tuyển: Áp dụng đối với các thí sinh đáp ứng tốt các điều kiện về kết quả học tập bậc đại học và trình độ ngoại ngữ, cụ thể:

Tiêu chí 1: Xét tuyển dựa trên điểm trung bình chung tích lũy (GPA) toàn khóa ở bậc đại học.

Tiêu chí 2: Xét tuyển dựa trên năng lực ngoại ngữ (có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4/6 trở lên hoặc bằng đại học chuyên ngữ...).

Quy trình và tiêu chí xét tuyển chi tiết do Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ quyết định và thông báo trong từng đợt tuyển sinh.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Kỹ thuật Cơ khí.

+ Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kỹ thuật Cơ khí và đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sao Đỏ.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ.

- Thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm

1.2. Giới thiệu về khoa Cơ khí

Khoa cơ khí gắn liền với lịch sử thành lập và phát triển của nhà Trường. Trải qua 56 năm xây dựng và trưởng thành, khoa Cơ khí đã đào tạo và cung cấp cho đất nước nhiều kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật viên, công nhân có trình độ chuyên môn vững vàng, có kỹ năng nghề nghiệp tốt, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Hiện nay khoa quản lý 02 ngành đào tạo là Công nghệ kỹ thuật cơ khí và Kỹ thuật cơ điện tử.

Về chất lượng đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên của Khoa Cơ khí tính đến 11/2025 là 17 giảng viên cơ hữu và 06 giảng viên thỉnh giảng, trong đó có giảng viên có trình độ phó giáo sư và tiến sĩ là 06 (chiếm 35,3%), 03 giảng viên đang đi NCS, còn lại 100% giảng viên có trình độ Thạc sĩ. Ngoài ra, khoa Cơ khí luôn tích cực đẩy mạnh công tác học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Đội ngũ giảng viên trong Khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi, 09 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp Tỉnh, 07 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi cấp cơ sở. Hàng năm 100% giảng viên trong Khoa đều được đánh giá xếp loại giảng viên theo ba tiêu chuẩn. Các giảng viên luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì sinh viên thân yêu. Nhiều giảng viên có trình độ quản lý và kỹ năng nghề nghiệp đã và đang tham gia chuyển giao công nghệ, hợp tác, sản xuất với nhiều công ty, cơ sở sản xuất.

Về cơ sở vật chất: Khoa Cơ khí có 01 Trung tâm Thực hành, thực nghiệm có tổng diện tích 1732m². Phòng thực hành, thí nghiệm được đầu tư các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại như: máy phay CNC Xmill 900, máy Tiện CNC Bể ngang JG100, máy tiện CNC Model CAK 3675, trung tâm gia công đứng, máy gia công xung, máy kéo nén vạn năng WEW 600B, máy đo tọa độ CMM Mitutoyo 3D (Model: Crysta Plus M443), Máy cắt dây CNC-GS3240, Máy cắt PLASMA CNC, Ro bột hàn, phòng thực hành CAD/CAM trang bị máy tính cấu hình cao,...hoàn toàn đáp ứng được quá trình giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

Nhiệm vụ chính của khoa:

- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn về quy mô đào tạo, đội ngũ GV.
- Tổ chức giảng dạy các học phần: Cơ sở ngành và chuyên ngành cho sinh viên của khoa Cơ khí. Các học phần cơ sở ngành cho sinh viên ngành CNKT OTO, ...
- Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy hiện tại và tương lai.
- Biên soạn đề cương chi tiết HP, tài liệu học tập các học phần do khoa quản lý; biên soạn mới và hiệu chỉnh các bộ ngân hàng đề thi các học phần do khoa quản lý.
- Quản lý mục tiêu, CTĐT của bộ môn thuộc khoa phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực của NH sau đào tạo.
- Theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH của các Bộ môn trực thuộc. Tạo mối gắn kết giữa các Bộ môn thông qua các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác.
- Tổ chức hoạt động KHCN, phối hợp với các tổ chức KHCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với NCKH, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.
- Phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng các mối quan hệ trong nước và quốc tế nhằm tăng cường năng lực giảng dạy, NCKH cho GV.
- Điều phối hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của các Bộ môn theo chiến lược chung của Nhà trường.
- Tổ chức sắp xếp công việc hợp lý cho GV; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng GV hằng năm.
- Theo dõi, giám sát các bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho NH cũng như cho GV.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do khoa quản lý.

- Tham gia công tác tuyển sinh và các hoạt động khác của Nhà trường;
- Liên hệ với các doanh nghiệp để cho SV trải nghiệm, thực tập và giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp.
- Tham gia các hoạt động sản xuất theo sự chỉ đạo của BGH và sự phối hợp của các phòng ban chức năng.

Các thành tích đạt được: Trải qua 56 năm xây dựng và phát triển, khoa Cơ khí đã vinh dự được Thủ tướng Chính phủ, Bộ công thương, Bộ Giáo dục và đào tạo, UBND tỉnh Hải Dương tặng nhiều Bằng khen;

- Nhiều thế hệ giảng viên của khoa được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú, giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia, cấp bộ, ngành, tỉnh (01 nhà giáo ưu tú, 02 giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia, 09 giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh – Ngành.

- 01 học sinh đạt giải Ba học sinh giỏi Quốc tế, 1 học sinh giỏi cấp Quốc gia, 16 học sinh giỏi cấp Bộ, 22 sinh viên đạt giải Olympic Cơ học Toàn quốc (01 giải Nhì, 03 giải Ba, 10 giải Khuyến khích), 01 học sinh được vinh danh người thợ trẻ giỏi toàn quốc, 02 đội tuyển giành giải nhất cuộc thi Sáng tạo Việt do VTV3 tổ chức, 01 sinh viên đạt giải Sao tháng giêng, 03 sinh viên đạt sinh viên 5 tốt.

- Hoạt động thi Robocon do VTV2 tổ chức, nhiều năm liền đội tuyển của Khoa lọt vào vòng chung kết toàn quốc, 03 giải Vifotec, 01 giải nhất, 02 giải nhì, 01 giải ba, 03 giải khuyến khích trong hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp trường, 02 giải khuyến khích trong hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật Tỉnh, thành phố.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

2.1. Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới giáo dục đại học

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng kinh tế số, kinh tế tri thức và công nghiệp 4.0, khoa học và công nghệ trở thành động lực then chốt thúc đẩy năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, ngành cơ khí luôn phải giữ vai trò chủ đạo. Do đó, việc tiếp tục phát triển và nâng cao ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí trong các cơ sở giáo dục đại học là yêu cầu tất yếu, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, cùng với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030,

tầm nhìn đến năm 2045 và Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021–2030, các cơ sở giáo dục đại học được khuyến khích chủ động mở mới các ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết đào tạo với thực tiễn sản xuất, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Việc Trường Đại học Sao Đỏ đề xuất mở ngành ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng – một trung tâm nghiên cứu khoa học, trung tâm kinh tế lớn của vùng Duyên hải Bắc Bộ, đồng thời là đầu mối giao thương, công nghiệp và logistics quan trọng của miền Bắc. Hải Phòng đang trên đà phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực đào tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, cơ khí chính xác, điện tử, logistics, cảng biển và thương mại quốc tế. Trong đó, nhu cầu về nguồn nhân lực thạc sĩ kỹ thuật cơ khí để tiếp tục học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, tham gia vào công việc phân tích dữ liệu, mô hình hóa, tự động hóa và tối ưu hóa quy trình sản xuất là rất lớn.

Với vị thế là một cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, Trường Đại học Sao Đỏ có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ, kỹ thuật và quản lý công nghiệp, phục vụ trực tiếp cho sự phát triển của thành phố Hải Phòng và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. Việc mở ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí tại Trường không chỉ đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương mà còn phù hợp với định hướng phát triển của Bộ Công Thương trong việc đào tạo đội ngũ chuyên gia có năng lực phân tích dữ liệu, mô hình hóa, tự động hóa và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Hiện nay, nhiều trường đại học uy tín trong cả nước như Trường Đại học công nghiệp Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật, Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Công Thương,... đã và đang đào tạo ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí với định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng. Việc Trường Đại học Sao Đỏ mở ngành đào tạo thạc sĩ kỹ thuật cơ khí vừa kế thừa những kinh nghiệm đào tạo của các cơ sở tiên phong, vừa cụ thể hóa mục tiêu phát triển của Nhà trường theo hướng đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, tại khu vực Hải Phòng và vùng phụ cận đang có nhu cầu rất lớn về nhân lực có trình độ cao. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng có khả năng nghiên cứu và vận dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn trong sản xuất và quản lý doanh nghiệp cũng như công tác đào

tạo. Việc mở ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí tại Trường Đại học Sao Đỏ sẽ góp phần bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực, đồng thời tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp, khu công nghiệp và các cơ quan, tổ chức nghiên cứu trên địa bàn Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

Từ những căn cứ trên, có thể khẳng định rằng việc mở ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng là cần thiết, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, với quy hoạch phát triển nhân lực của địa phương và đáp ứng yêu cầu của thời đại chuyển đổi số. Ngành học này sẽ góp phần đào tạo đội ngũ Thạc sĩ có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực ứng dụng công nghệ và khả năng sáng tạo cao, phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững của đất nước.

2.2. Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực về thạc sĩ kỹ thuật cơ khí trong nước và địa phương

Trong bối cảnh đất nước đang triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, và thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, định hướng đến năm 2030, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và kinh tế số tăng nhanh và mạnh mẽ. Việc tiếp tục phát triển ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí trong các cơ sở giáo dục đại học là yêu cầu tất yếu, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

Thành phố Hải Phòng hiện là trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics lớn nhất miền Bắc, thu hút hàng trăm doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các khu công nghiệp lớn như VSIP, Trảng Duệ, Nam Cầu Kiền, Deep C, Đình Vũ – Cát Hải. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của các lĩnh vực cơ khí chính xác, điện tử, sản xuất linh kiện, logistics và thương mại quốc tế, nhu cầu nhân lực có khả năng phân tích dữ liệu sản xuất, mô phỏng quy trình công nghiệp, tính toán tối ưu chi phí và lập trình mô hình vận hành thông minh trở nên cấp bách, có thể khẳng định quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, ngành cơ khí luôn phải giữ vai trò chủ đạo. Bên cạnh đó, theo Quy hoạch phát triển nhân lực vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, khu vực này cần trên 40.000 nhân lực có trình độ đại học và sau đại học trong các lĩnh vực công nghệ số, phân tích dữ liệu, thống kê và toán học ứng dụng. Trong khi đó, hiện nay nhu cầu nhân lực chất lượng cao về kỹ thuật cơ khí là rất lớn nên

việc mở ngành đào tạo thạc sĩ kỹ thuật cơ khí của Trường đại học Sao Đỏ là phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Để có cơ sở xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí, nhóm thực hiện đề án đã tiến hành khảo sát các nhà tuyển dụng là giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp, hiệu trưởng, hiệu phó các Trường cao đẳng nghề, các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp về nhu cầu nguồn nhân lực đối với thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí.

Để đánh giá nhu cầu thực tế của TP Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh và một số tỉnh lân cận về nhu cầu nhân lực là thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí. Nhóm xây dựng đề án đã tiến hành khảo sát 68 nhà tuyển dụng. Kết quả cho thấy có 91,2% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng cần thiết mở ngành đào tạo thạc sĩ kỹ thuật cơ khí. 92,6% nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng nhu cầu tuyển dụng trong tương lai thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí sẽ tăng. Nhà tuyển dụng đánh giá rất cao về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ của học viên cao học ngành kỹ thuật sau khi tốt nghiệp: nhà tuyển dụng đã đánh giá cao sự hiểu biết về: chuyên môn ngành kỹ thuật cơ khí, có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề; năng lực công nghệ thông tin; có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; tinh thần kỷ luật và hội nhập quốc tế.

Với kết quả đó, việc Trường Đại học Sao Đỏ mở đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí có ý nghĩa thiết thực và mang tính chiến lược. Với vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực kỹ thuật cơ khí, nhà trường hoàn toàn có khả năng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí có chất lượng cao cho khu vực. Học viên tốt nghiệp có thể tham gia giảng dạy, nghiên cứu, làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất hoặc đảm nhận các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương.

Hơn nữa, trong xu thế hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0, nguồn nhân lực được đào tạo về lĩnh vực cơ khí có lợi thế vượt trội về nhu cầu của người sử dụng lao động. Việc đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng không chỉ đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương và khu vực mà còn góp phần thực hiện chủ trương của Chính phủ và Bộ Công Thương về phát triển nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo thạc sĩ kỹ thuật cơ khí tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng là cần thiết, phù hợp và kịp thời, góp phần đào tạo đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn vững vàng, năng lực ứng dụng

toán học trong thực tiễn, khả năng sáng tạo và thích ứng cao, phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng nói riêng và của cả nước nói chung.

2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ

Thực hiện Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 và Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ, Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (NCKH & CGCN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; hợp tác quốc tế, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ theo quy định nhằm gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo – nghiên cứu – ứng dụng.

Trong suốt quá trình phát triển, Trường Đại học Sao Đỏ luôn thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu nhân lực kỹ thuật – công nghệ cho các tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng và thành phố Hải Phòng, trung tâm công nghiệp – cảng biển lớn của miền Bắc. Nhà trường luôn bám sát định hướng phát triển của Bộ Công Thương, của địa phương và của ngành giáo dục đại học, không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo theo hướng đại học ứng dụng, hội nhập và hiện đại hóa.

Với chức năng và nhiệm vụ được giao, Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung vào các định hướng chủ đạo:

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh, nâng cao quy mô và chất lượng người học;
- Đẩy mạnh liên kết đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, trung tâm mô phỏng hiện đại;
- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất;
- Thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi số và ứng dụng AI trong đào tạo nguồn nhân lực.
- Xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn quốc gia và quốc tế;

- Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp ngày càng cao.

Trên cơ sở đó, việc mở ngành thạc sĩ kỹ thuật cơ khí tại Trường Đại học Sao Đỏ là phù hợp hoàn toàn với định hướng phát triển, chức năng, nhiệm vụ và sứ mệnh của Nhà trường. Ngành học này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng về công tác đào tạo của Trường mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của Bộ Công Thương và địa phương. Việc mở ngành này sẽ giúp Nhà trường tăng cường năng lực nghiên cứu, mô hình hóa, phân tích dữ liệu và tối ưu hóa quy trình trong công nghiệp và quản lý, từ đó đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu vực.

Hiện nay, Trường Đại học Sao Đỏ đang thực hiện chiến lược hiện đại hóa và quốc tế hóa hoạt động đào tạo. Việc mở ngành đào tạo thạc sĩ kỹ thuật cơ khí sẽ mở ra cơ hội hợp tác, trao đổi học thuật và nghiên cứu với các trường đại học trong và ngoài nước, góp phần khẳng định uy tín và vị thế của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là bước đi quan trọng giúp Nhà trường thực hiện sứ mệnh trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, góp phần cung cấp nguồn nhân lực toán học ứng dụng chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo thạc sĩ kỹ thuật cơ khí tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng là hết sức cần thiết, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và yêu cầu phát triển nhân lực của Bộ Công Thương, của địa phương và của đất nước. Ngành học này sẽ mang lại ý nghĩa chiến lược và giá trị bền vững, khẳng định vai trò của Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học năng động, đổi mới, gắn kết đào tạo với thực tiễn, vì sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT ngành kỹ thuật cơ khí trình độ thạc sĩ, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành theo quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Chương trình đào tạo gồm 60 TC và

đảm bảo đầy đủ các điều kiện tổ chức quá trình đào tạo, cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp;

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT ngành Kỹ thuật cơ khí trình độ Thạc sĩ có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 05 trường đại học trong nước và 01 trường đại học quốc tế.

[1]. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí - Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2024.

[2]. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí - Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, 2023.

[3]. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí - Trường Đại học lý thuật công nghiệp Thái Nguyên, 2024.

[4]. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí - Trường Đại học công nghiệp Hà Nội.

[5]. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí - Trường Đại Cần Thơ.

[6]. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí - Trường Đại học KT tổng hợp quốc gia Irkutsk - Nga.

3.3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Kỹ thuật cơ khí
Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Mechanical Engineering
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng:	Ứng dụng
Ngành đào tạo:	Kỹ thuật cơ khí
Mã ngành:	8520103
Thời gian đào tạo:	1,5 – 2 năm

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHSD, ngày tháng... năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; làm chủ kiến thức chuyên sâu và hiện đại về thiết kế hệ thống, công nghệ chế tạo tiên tiến và tự động hóa sản xuất; có năng lực nghiên cứu độc lập và sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu và giao tiếp chuyên môn để giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có tư duy quản trị kỹ thuật để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1 (Kiến thức): Làm chủ kiến thức chuyên sâu và liên ngành về cơ học kỹ thuật, mô phỏng số và các giải pháp công nghệ chế tạo hiện đại; vận dụng tư duy hệ thống để phân tích, thiết kế và tối ưu hóa các quy trình sản xuất và phát triển sản phẩm cơ khí.

PO2 (Kỹ năng): Có tư duy phản biện và năng lực thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết các vấn đề kỹ thuật thực tiễn; thành thạo phương pháp nghiên cứu khoa học và ứng dụng hiệu quả công nghệ số; sử dụng tốt ngoại ngữ trong giao tiếp chuyên môn và khai thác tài liệu quốc tế; có năng lực quản trị về tài chính hiệu quả.

PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm): Thể hiện bản lĩnh lãnh đạo, khả năng thích nghi cao với môi trường công nghệ thay đổi; cam kết thực hiện trách

nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp; chủ động phát triển nghề nghiệp và học tập suốt đời để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

2. CHUẨN ĐẦU RA

Học viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật cơ khí trình độ thạc sĩ có khả năng:

2.1. Kiến thức (Knowledge)

PLO1 (Kiến thức cơ sở nâng cao): Phân tích và đánh giá hành vi của hệ thống cơ khí thông qua tư duy hệ thống, phương pháp mô phỏng số (như FEM) và xử lý số liệu thực nghiệm nhằm tối ưu hóa quá trình thiết kế và vận hành.

PLO2 (Kiến thức chuyên ngành cốt lõi): Phát triển và ứng dụng các quy trình công nghệ chế tạo hiện đại (như Công nghệ bồi đắp/In 3D, gia công tiên tiến) để giải quyết các yêu cầu kỹ thuật khắt khe trong sản xuất.

PLO3 (Kiến thức đặc thù): Đánh giá và đề xuất các giải pháp kỹ thuật nâng cao về vật liệu và công nghệ bề mặt nhằm cải thiện tuổi thọ, hiệu suất làm việc và chất lượng sản phẩm cơ khí.

PLO4 (Kiến thức quản lý và liên ngành): Tích hợp kiến thức về hệ thống điều khiển tự động (PLC), quản trị tài chính và phương pháp nghiên cứu khoa học để quản lý, điều hành dự án kỹ thuật hiệu quả.

2.2. Kỹ năng (Skills)

PLO5 (Phân tích và giải quyết vấn đề): Nhận diện và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp (sai số, hỏng hóc, tối ưu hóa) thông qua việc phân tích nguyên nhân và biện luận giải pháp khắc phục dựa trên cơ sở khoa học và kết quả mô phỏng.

PLO6 (Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu): Thiết kế, tổ chức và quản lý triển khai các quy trình công nghệ, dự án kỹ thuật; ứng dụng thành thạo công nghệ số và các phần mềm kỹ thuật tiên tiến (CAE/CAD/CAM) trong mô phỏng, tối ưu hóa sản xuất và quản trị kỹ thuật.

PLO7 (Nghiên cứu và giao tiếp): Xây dựng và thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng độc lập; công bố kết quả nghiên cứu và truyền đạt tri thức chuyên môn hiệu quả đến cộng đồng kỹ thuật trong và ngoài nước.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility)

PLO8: Tự định hướng phát triển năng lực chuyên môn; có tinh thần học tập suốt đời, chủ động cập nhật tri thức mới để thích ứng với chuyển đổi số; lãnh đạo và dẫn dắt nhóm làm việc đa ngành để giải quyết các nhiệm vụ kỹ thuật quy mô lớn.

PLO9: Cam kết và thực hiện nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các tiêu chuẩn an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong mọi

hoạt động chuyên môn.

2.4. Ngoại ngữ

PLO10: Đạt trình độ ngoại ngữ Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) để khai thác tài liệu chuyên ngành và giao tiếp trong môi trường học thuật, công nghiệp.

3. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí, học viên có thể đảm nhiệm các vị trí chủ chốt tại:

- Quản lý, phụ trách kỹ thuật hoặc thực hiện những công việc trong các nhà máy xí nghiệp, các đơn vị sản xuất, các cơ quan quản lý trong và ngoài nước có liên quan đến Kỹ thuật cơ khí.

- Giảng dạy trong Các trường Đại học, Cao đẳng nghề, trung cấp nghề; chuyên viên tại các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành.

- Quản lý, triển khai các dự án trong lĩnh vực Kỹ thuật cơ khí.

- Sáng lập và điều hành doanh nghiệp khởi nghiệp.

4. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tiếp tục đào tạo trình độ Tiến sĩ: Học viên được trang bị nền tảng kiến thức chuyên sâu và phương pháp luận nghiên cứu khoa học vững chắc, đủ điều kiện để tiếp tục theo học các chương trình Nghiên cứu sinh (Tiến sĩ) ngành Kỹ thuật Cơ khí hoặc các ngành gần tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu uy tín trong nước và quốc tế.

- Tự học và phát triển nghề nghiệp: Có năng lực tự học tập suốt đời, tự cập nhật kiến thức và công nghệ mới để thích nghi với môi trường làm việc năng động; có khả năng tự nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn sản xuất và nâng cao trình độ nghiệp vụ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

5.1. Điều kiện về văn bằng ứng viên dự tuyển cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Kỹ thuật Cơ khí.

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kỹ thuật Cơ khí và đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sao Đỏ.

5.2. Phân loại đối tượng theo ngành đào tạo

Dựa trên chương trình đào tạo đại học và yêu cầu kiến thức nền tảng, đối tượng dự tuyển được phân loại thành 04 nhóm như sau:

Nhóm 1: Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Cơ kỹ thuật.

Nhóm 2: Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật tàu thủy.

Nhóm 3: Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật tàu thủy; Bảo dưỡng công nghiệp.

Nhóm 4: Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.

Yêu cầu về bổ sung kiến thức: Căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp trình độ đại học của người dự tuyển, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường sẽ xem xét và quyết định các học phần bổ sung kiến thức cũng như thời lượng cụ thể (nếu có) để đảm bảo yêu cầu đầu vào.

5.3. Các điều kiện khác

Lý lịch: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

Sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

Nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Sao Đỏ.

5.4. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo các phương thức: Thi tuyển, Xét tuyển hoặc Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành.

a) Phương thức Thi tuyển thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh do Trường Đại học Sao Đỏ tổ chức, gồm 03 môn:

Môn cơ bản: Toán cao cấp.

Môn cơ sở ngành: Sức bền vật liệu.

Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh (hoặc Tiếng Trung Quốc).

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu có văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.

b) Phương thức xét tuyển áp dụng đối với các thí sinh đáp ứng tốt các điều kiện về kết quả học tập bậc đại học và trình độ ngoại ngữ, cụ thể:

- Tiêu chí 1: Xét tuyển dựa trên điểm trung bình chung tích lũy (GPA) toàn khóa ở bậc đại học.

- Tiêu chí 2: Xét tuyển dựa trên năng lực ngoại ngữ (có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên hoặc bằng đại học chuyên ngữ...).

Quy trình và tiêu chí xét tuyển chi tiết do Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ quyết định và thông báo trong từng đợt tuyển sinh.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được tổ chức theo hệ thống tín chỉ, tuân thủ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thời gian đào tạo chuẩn là 1,5 - 2 năm. Học viên được phép rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định (tối đa không quá 02 năm so với thời gian thiết kế).

Quy trình bao gồm 2 giai đoạn chính:

- Giai đoạn 1: Học tập các học phần kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành (tích lũy đủ 45 tín chỉ).

- Giai đoạn 2: Thực tập tốt nghiệp và bảo vệ Luận văn thạc sĩ (15 tín chỉ) sau khi đã hoàn thành các học phần và đạt yêu cầu về ngoại ngữ.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp học viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ khi hội đủ các điều kiện sau:

- Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ (Tổng số tín chỉ tích lũy: 60 tín chỉ).

- Đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định hiện hành.

- Chấp hành đúng quy định về nộp học phí, các khoản lệ phí và trả nợ sách thư viện, tài sản của Nhà trường.

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (Program Structure)

8.1. Cấu trúc chương trình

- Phần kiến thức chung: 10 tín chỉ (Lý thuyết: 10 tín chỉ; Thực hành: 0 tín chỉ).

- Phần kiến thức cơ sở ngành và ngành: 35 tín chỉ (Lý thuyết: 26 tín chỉ; Thực hành: 9 tín chỉ).

- Tốt nghiệp: 15 tín chỉ (Lý thuyết: 0 tín chỉ; Thực hành: 15 tín chỉ).
- Tổng: 60 tín chỉ (Lý thuyết: 36 tín chỉ; Thực hành: 24 tín chỉ).

8.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I		Kiến thức chung	10	10	0
A		Học phần bắt buộc	7	7	0
1	CTRI 006	Triết học	3	3	0
2	TANH 069	Ngoại ngữ (Tiếng Anh/Trung/Nhật/Pháp/Nga)	4	4	0
B		Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)	3	3	0
3	KTCOKHI 001	Quản trị tài chính	3	3	0
4	KTCOKHI 002	Kỹ năng phân tích, viết và xuất bản NCKH	3	3	0
II		Kiến thức cơ sở ngành	12	9	3
A		Học phần bắt buộc	9	6	3
5	KTCOKHI 003	Phương pháp phân tử hữu hạn	3	2	1
6	KTCOKHI 004	Quy hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm	3	2	1
7	KTCOKHI 005	Mô hình hóa và mô phỏng số	3	2	1
B		Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)	3	3	0
8	KTCOKHI 006	Vật liệu tiên tiến và kỹ thuật Nano	3	3	0
9	KTCOKHI 007	Cơ học vật liệu	3	3	0
10	KTCOKHI 008	Lý thuyết biến dạng dẻo	3	3	0
III		Kiến thức ngành	23	17	6
A		Học phần bắt buộc	17	13	4
11	KTCOKHI 009	Tính toán thiết kế cơ khí	3	2	1
12	KTCOKHI 010	Công nghệ bồi đắp kim loại và in 3D	3	2	1
13	KTCOKHI 011	Các phương pháp gia công tiên tiến	3	3	0
14	KTCOKHI 012	Tối ưu hóa quá trình gia công cắt gọt	3	2	1
15	KTCOKHI 013	Điều khiển PLC trong cơ khí	3	2	1
16	KTCOKHI 015	Công nghệ tạo lớp phủ bề mặt bằng Plasma và Laser	2	2	0
B		Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 HP)	6	4	2
17	KTCOKHI 015	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	3	2	1
18	KTCOKHI 016	Ma sát, mòn và bôi trơn	3	2	1
19	KTCOKHI 017	Kỹ thuật điều khiển tự động	3	2	1
20	KTCOKHI 018	Tự động hóa quá trình dập tạo hình	3	2	1
21	KTCOKHI 019	Công nghệ sửa chữa và phục hồi	3	2	1
22	KTCOKHI 020	Gia công tinh bằng vật liệu hạt mài	3	2	1
IV		Tốt nghiệp	15	0	15
23	KTCOKHI 401	Thực tập tốt nghiệp	6	0	6
24	KTCOKHI 402	Đề án tốt nghiệp	9	0	9
Tổng			60	36	24

9. CÁC MA TRẬN TƯƠNG THÍCH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

9.1. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Bảng dưới đây thể hiện sự tương thích và đóng góp của các Chuẩn đầu ra (PLOs) đối với các mục tiêu của chương trình đào tạo (POs).

PO1: Kiến thức chuyên sâu, công nghệ tiên tiến và quản trị kỹ thuật.

PO2: Kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ và giao tiếp.

PO3: Mức tự chủ, năng lực lãnh đạo và trách nhiệm nghề nghiệp.

Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo sử dụng thang đo Bloom

TT	Chuẩn đầu ra (PLOs)	PO1 (Kiến thức)	PO2 (Kỹ năng)	PO3 (Tự chủ & Trách nhiệm)
1	PLO1: Phân tích và đánh giá hành vi hệ thống cơ khí (FEM, xử lý số liệu)	5		
2	PLO2: Thiết kế và tối ưu hóa quy trình công nghệ chế tạo hiện đại	6		
3	PLO3: Đánh giá và đề xuất giải pháp về công nghệ bề mặt, ma sát học	5		
4	PLO4: Tích hợp kiến thức quản trị và kỹ thuật để quản lý dự án	4		
5	PLO5: Giải quyết vấn đề kỹ thuật phức tạp và biện luận giải pháp		5	
6	PLO6: Tổ chức triển khai quy trình công nghệ và ứng dụng CAE		5	
7	PLO7: Xây dựng, thực hiện đề tài nghiên cứu và công bố kết quả		6	
8	PLO8: Tự định hướng phát triển và lãnh đạo nhóm đa ngành			5
9	PLO9: Cam kết đạo đức nghề nghiệp, an toàn và trách nhiệm xã hội			5
10	PLO10: Năng lực Ngoại ngữ (Bậc 4/6)		3	

9.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra (Sử dụng thang đo Bloom)

[illegible]

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra									
			PLO1 (Cơ sở)	PLO2 (Ngành)	PLO3 (Đặc thù)	PLO4 (Quản trị)	PLO5 (G.Q Vấn đề)	PLO6 (Kỹ năng)	PLO7 (NCKH)	PLO8 (Tự chủ)	PLO9 (Đạo đức)	PLO10 (Ng.Ng ữ)
11	KTCOKHI 009	Tính toán thiết kế cơ khí	4				5	4		4	4	
12	KTCOKHI 010	Công nghệ bồi đắp kim loại và in 3D				1		3	3	3	3	
13	KTCOKHI 011	Các phương pháp gia công tiên tiến	5	5	5		4	5		5	5	
14	KTCOKHI 012	Tối ưu hóa quá trình gia công cắt gọt		5			5			4	4	
15	KTCOKHI 013	Điều khiển PLC trong cơ khí				3	3			3		
16	KTCOKHI 015	Công nghệ tạo lớp phủ bề mặt bằng Plasma và Laser		1	3		2	2		3	3	
B		Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 HP)										
17	KTCOKHI 015	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm		3	3		3	3		3	3	
18	KTCOKHI 016	Ma sát, mòn và bôi trơn		3	3		3	3		3	3	
19	KTCOKHI 017	Kỹ thuật điều khiển tự động				2		4		3		
20	KTCOKHI 018	Tự động hóa quá trình dập tạo hình		2	2		3			5		
21	KTCOKHI 019	Công nghệ sửa chữa và phục hồi			4		3	4		4	4	
22	KTCOKHI 020	Gia công tinh bằng vật liệu hạt mài	2		3		4	5		4	3	
IV		Tốt nghiệp										
23	KTCOKHI 401	Thực tập tốt nghiệp				3	4	4		5	5	
24	KTCOKHI 402	Đề án tốt nghiệp	4	4	2		4	4	5	4	5	
Số học phần đóng góp chuẩn đầu ra			5÷10	4÷9	3÷11	2÷6	9÷20	6÷15	3÷7	9÷22	9÷20	1

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I		HỌC KỲ 1	16	12	4
A		Học phần bắt buộc	13	9	4
1	CTRI 006	Triết học	3	3	0
2	TANH 069	Ngoại ngữ (Tiếng Anh/Trung/Nhật/Pháp/Nga)	4	2	2
3	KTCOKHI 003	Phương pháp phân tử hữu hạn	3	2	1
4	KTCOKHI 004	Quy hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm	3	2	1
B		Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)	3	3	0
5	KTCOKHI 001	Quản trị tài chính	3	3	0
6	KTCOKHI 002	Kỹ năng phân tích, viết và xuất bản NCKH	3	3	0
II		HỌC KỲ 2	15	11	4
A		Học phần bắt buộc	12	8	4
1	KTCOKHI 005	Mô hình hóa và mô phỏng số	3	2	1
2	KTCOKHI 009	Tính toán thiết kế cơ khí	3	2	1
3	KTCOKHI 010	Công nghệ bồi đắp kim loại và in 3D	3	2	1
4	KTCOKHI 011	Các phương pháp gia công tiên tiến	3	2	1
B		Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)	3	3	0
5	KTCOKHI 006	Vật liệu tiên tiến và kỹ thuật Nano	3	3	0
6	KTCOKHI 007	Cơ học vật liệu	3	3	0
7	KTCOKHI 008	Lý thuyết tạo hình bề mặt	3	3	0
III		HỌC KỲ 3	14	9	5
A		Học phần bắt buộc	8	5	3
1	KTCOKHI 012	Tối ưu hóa quá trình gia công cắt gọt	3	1	2
2	KTCOKHI 013	Điều khiển PLC trong cơ khí	3	2	1
3	KTCOKHI 015	Công nghệ tạo lớp phủ bề mặt bằng Plasma và Laser	2	2	0
B		Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 HP)	6	4	2
4	KTCOKHI 015	Thiết kế và phát triển sản phẩm	3	2	1
5	KTCOKHI 016	Ma sát, mài mòn và bôi trơn	3	2	1
6	KTCOKHI 017	Kỹ thuật điều khiển tự động	3	2	1
7	KTCOKHI 018	Tự động hóa trong gia công áp lực	3	2	1
8	KTCOKHI 019	Công nghệ sửa chữa và phục hồi	3	2	1
9	KTCOKHI 020	Gia công tinh bằng vật liệu hạt mài	3	2	1
IV		HỌC KỲ 4	15	0	15
1	KTCOKHI 401	Thực tập tốt nghiệp	6	0	6
2	KTCOKHI 402	Luận văn tốt nghiệp	9	0	9
Tổng			30	32	28

3.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Trên cơ sở số học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí, xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục đại học.

Học viên nhận kế hoạch đào tạo toàn khóa từ Phòng Đào tạo và tuyển sinh của Trường, trong đó có ghi rõ các học phần phải học cho từng học kỳ của khóa học. Mỗi năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp, ngoài các học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức một học kỳ phụ vào thời gian nghỉ hè để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần lên lớp. Trước mỗi kỳ học, học viên được cố vấn học tập, Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. Kế hoạch học tập là cơ sở để học viên đăng ký các học phần trong mỗi học kỳ trên hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất 01 tháng, Nhà trường thông báo lịch học trong sổ tay học viên và trên trang học vụ học viên (daotao.saodo.edu.vn). Giáo viên chủ nhiệm (GVCN)/ cố vấn học tập (CVHT) hướng dẫn, kiểm tra việc học viên đăng ký học tập, đảm bảo học viên đăng ký đúng, đủ học phần theo quy định.

Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc và tích lũy điểm học phần

Kỳ thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường đại học Sao Đỏ. Điểm đánh giá quá trình trong quá trình học tập: Đánh giá về sự hiện diện, ý thức, thái độ và tinh thần học tập trên lớp. Trung bình cộng các điểm có trọng số 20%. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và điểm được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây (Bảng 3):

Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 - 10,0	A+	4,0
8,5 - 8,9	A	3,7
8,0 - 8,4	B+	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

- Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

+ Học viên phải học hết chương trình giáo dục trình độ thạc sĩ ngành kỹ thuật cơ khí, phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong CTĐT cao học, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

+ Mọi học viên đều làm Đề án tốt nghiệp.

Những học viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm học viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

Khi tốt nghiệp chương trình này, học viên sẽ được cấp bằng Thạc sĩ. Trong Bằng hoặc/và Bảng điểm ghi tên ngành đào tạo.

3.5. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.5.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

Căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo các phương thức: Thi tuyển, Xét tuyển hoặc Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành.

a) Phương thức Thi tuyển Thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh do Trường Đại học Sao Đỏ tổ chức, gồm 03 môn:

Môn cơ bản: Toán cao cấp.

Môn cơ sở ngành: Sức bền vật liệu.

Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh (hoặc Tiếng Trung Quốc).

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu có văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.

b) Phương thức xét tuyển áp dụng đối với các thí sinh đáp ứng tốt các điều kiện về kết quả học tập bậc đại học và trình độ ngoại ngữ, cụ thể:

- Tiêu chí 1: Xét tuyển dựa trên điểm trung bình chung tích lũy (GPA)

toàn khóa ở bậc đại học.

- Tiêu chí 2: Xét tuyển dựa trên năng lực ngoại ngữ (có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên hoặc bằng đại học chuyên ngữ...).

Quy trình và tiêu chí xét tuyển chi tiết do Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ quyết định và thông báo trong từng đợt tuyển sinh.

- Thời gian đào tạo: 1,5 – 2,0 năm.

3.5.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Trường Đại học Sao Đỏ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong NCKH và CGCN; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho HV khi tốt nghiệp ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường Đại học Sao Đỏ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Nhà trường được quy trình hóa, số hóa và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận ĐBCL chuyên trách, hằng năm xây dựng kế hoạch ĐBCL tập trung vào hai hoạt động chính đó là khảo thí và ĐBCL. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: CNKT cơ khí; CNKT điện, điện tử; CNKT ô tô; CNTT; KTĐK&TĐH; Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập:

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phân thông qua hệ thống khảo sát của Nhà trường. Thời điểm lấy ý kiến người học được thực hiện sau khi kết thúc học phần, khóa học. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học bao gồm: Nội dung, mức độ và được thông báo tới các phòng chức năng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và GV.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Khoa Cơ khí được giao nhiệm vụ chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ. Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành kỹ thuật cơ khí có 17 GV trong đó có 06 tiến sĩ (Bảng 4.1). Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ là những thầy cô giáo có trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của BGDDT theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022.

Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP thuộc CTĐT ngành Kỹ thuật cơ khí

TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
1.	Phạm Xuân Đức, 10/02/1980		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Triết học	2004	
2.	Phạm Thị Thu Hà 19/9/1984		Tiến sĩ, Việt Nam, 2025	Ngôn ngữ Anh		2024
3.	Phạm T Hồng Hoa 23/5/1977		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	2002	
4.	Nguyễn Trung Thành 09/09/1979		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế		2025
5.	Nguyễn Đình Cường 02/11/1980		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2016	Kỹ thuật	2004	
6.	Vũ Văn Tản 04/9/1980		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2015	Tàu thủy và công trình hải dương	2005	
7.	Nguyễn Văn Hinh 24/12/1976		Tiến sĩ, Nga, 2019	Công nghệ chế tạo máy	2005	
8.	Nguyễn Phương Ty 24/11/1977		Tiến sĩ, Nga, 2020	Kỹ thuật điện – Nhiệt	2002	
9.	Hà Minh Tuấn 12/10/1982		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Khoa học và Kỹ thuật điều khiển	2006	
10.	Vũ Hoa Kỳ 27/11/1980		Tiến sĩ, Nga, 2017	Máy khai thác nông - lâm nghiệp	2004	
11.	Đỗ Tiến Quyết 28/12/1987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Kỹ thuật cơ khí động lực	2010	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
12.	Ngô Hữu Mạnh 30/01/1981	PGS, 2024	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật cơ khí	2003	
13.	Trần Hải Đăng 12/8/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật vật liệu	2003	

4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

- Các công trình đề tài

Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

STT	Số QĐ, Năm phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1.	2019	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Đại học Sao Đỏ.	Phạm Xuân Đức	QĐ số 312, 24/7/2020	2020	Đạt		
2.	2022	Đề tài cấp cơ sở	Xây dựng mô hình liên kết các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	Phạm Xuân Đức	QĐ số 264, 15/6/2023	2023	Đạt		
3.	2022	Đề tài cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Sao Đỏ.	Phạm Xuân Đức	QĐ số 274, 30/6/2023	2023	Đạt		
4.	2023		Nghiên cứu, vận dụng giá trị văn hóa truyền thống của thành phố Chí Linh trong giảng dạy các học phần Lý	Phạm Xuân Đức	QĐ số 255, 12/6/2024	2024	Đạt		

STT	Số QĐ, Năm phê duyet đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay.						
5.	2023		Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng triết học trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ.	Phạm Xuân Đức	QĐ số 249, 06/6/2024	2024	Đạt		
6.	2020	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu, áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các Học phần LLCT tại trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hồng Hoa	Số 345 QĐ- ĐHSD, ngày 27/8/2021	2021	Đạt		
7.	2021	Đề tài cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hồng Hoa	Số 326 QĐ- ĐHSD, ngày 30/6/2022	2022	Đạt		
8.	2022	Đề tài cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hồng Hoa	số 274 QĐ- ĐHSD, ngày 30/6/2023	2023	Đạt		

STT	Số QĐ, Năm phê duyet đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
9.	2024	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tình huống áp dụng trong giảng dạy Học phần KNM cho sinh viên trường ĐHSĐ	Phạm Thị Hồng Hoa	số 249 QĐ – ĐHSĐ, ngày 6/6/2025	2025	Đạt		
10.	2018	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu các chế độ công nghệ hàn, hàn ghép hai vật liệu đồng đỏ 99% và thép SS400 ứng dụng chế tạo hệ thống treo trong hệ thống làm mát lò luyện thép	Vũ Văn Tản			Đạt		
11.	2019	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu tối ưu hóa một số thông số công nghệ ảnh hưởng tới chất lượng lớp phủ bằng công nghệ hàn tự động dưới lớp thuốc	Vũ Văn Tản			Đạt		
12.	2023	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của gió ngang tới sự ổn định chuyển động của xe khách 16 chỗ.	Đỗ Tiến Quyết	số 565 QĐ- ĐHSĐ, ngày 28/10/2024	2024	Đạt		
13.	2024	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu, mô phỏng và đánh giá đặc tính điện – nhiệt của hệ thống pin Lithium-Ion trên xe điện	Đỗ Tiến Quyết	số 274 QĐ– ĐHSĐ, ngày 30/9/2025	2025	Đạt		

STT	Số QĐ, Năm phê duyet đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
14.	Số 3896/QĐ- BCT ngày 27/12/201 9	Đề tài cấp bộ	Nghiên cứu, phân loại hoa quả xuất khẩu bằng công nghệ xử lý ảnh kết hợp mạng trí tuệ nhân tạo	Ngô Hữu Mạnh	Số 2855/QĐ BCT ngày 21/12/2021	27/12/2021	Đạt		
15.	- Thỏa thuận đặt hàng số: VINIF.202 0.DA12 ngày 16/10/202 0	Đề tài cấp bộ	Nghiên cứu phát triển công nghệ hàn mới, thiết kế, chế tạo hệ thống hàn tự động ứng dụng hàn nối kim loại tấm mỏng và siêu mỏng vật liệu đồng chất hoặc không đồng chất trong các ngành sản xuất mũi nhọn	Ngô Hữu Mạnh	Số 23052/2023/QĐ- VNCDLL ngày 12/02/2023	17/02/2023	Đạt		
16.	2019	Đề tài cấp bộ	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo khuôn dập bằng vật liệu Composite ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất ngói	Trần Hải Đăng		2020	Đạt		
17.	2024	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu công nghệ dập đa điểm đến khả năng tạo hình sản phẩm bằng phương pháp mô phỏng số	Trần Hải Đăng		2025	Đạt		
18.	2022	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng thiết bị miết ép dao động nâng cao chất lượng bề	Nguyễn Văn Hinh		2023	Đạt		

STT	Số QĐ, Năm phê duyet đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			mặt chi tiết dạng trục.						
19.	Số 667/QĐ - ĐHSD ngày 12/12/202 4	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật học sâu trong việc kiểm tra trực quan sản phẩm	Hà Minh Tuấn		2025	Đạt		
20.	2023	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu đánh giá đặc tính tăng tốc của một số loại xe thông dụng trong điều kiện vận hành tại vùng núi	Nguyễn Đình Cương	QĐ số 264/QĐ- ĐHSD ngày 15/6/2023	2024	Đạt		
21.	2022	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu phép biến đổi Fourier và Laplace, ứng dụng giải một số bài toán trong kỹ thuật	Nguyễn Phương Ty	Số 263/QĐ- ĐHSD ngày 15/6/2023	2023	Đạt		
22.	2023	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo bộ điều khiển đóng bao xi mắng tự động cho Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại T-group	Nguyễn Phương Ty	Số 267/QĐ- ĐHSD ngày 14/6/2024	2024	Đạt		

STT	Số QĐ, Năm phê duyet đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
23.	2024	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu, thiết kế và cải tiến hệ thống điều khiển, giám sát cân và trộn nguyên liệu cho dây chuyền sản xuất bột keo dán gạch, đá tại Công ty TNHH Katoco Việt Nam	Nguyễn Phương Ty	số 249/QĐ- ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Đạt		

- Công trình là bài báo khoa học, sách tham khảo

Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Phạm Xuân Đức (2021), “ <i>Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4 (75), tr. 121-128.	
2.	Phạm Xuân Đức (2022), “ <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 106-112.	
3.	Phạm Xuân Đức (2022), “ <i>Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID-19 tại Việt Nam</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 120-128.	
4.	Phạm Xuân Đức (2022), “ <i>Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ: Thực trạng và giải pháp</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), tr. 115-122.	
5.	Phạm Xuân Đức (2023), “ <i>Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (80), tr. 121-127.	
6.	Phạm Xuân Đức (2024), “ <i>Nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (84), tr. 101-106.	
7.	Phạm Xuân Đức (2024), “ <i>Giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (85), tr. 122-128.	
8.	Phạm Xuân Đức (2024), “ <i>Giáo trình Kỹ năng mềm</i> ”, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2024.	
9.	Phạm Xuân Đức (2025), “ <i>Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (89), tr. 112-117.	
10.	Phạm thị Thu Hà (2022), “ <i>Theoretical background of street name study</i> ”, Tạp chí Kinh Doanh và Công Nghệ.	
11.	Phạm thị Thu Hà (2022), “ <i>Some key concepts in the study of street names in England and Vietnam</i> ”, Tạp chí Khoa học trường Đại học Mở Hà Nội.	
12.	Phạm thị Thu Hà (2022), “ <i>Theoretical framework for the study of street names in England and Vietnam</i> ”, 2022-International Graduate Research Symposium.	
13.	Phạm thị Thu Hà (2022), “ <i>Teaching British culture and civilization at university: obstacles, and suggestions</i> ”, Báo cáo hội thảo “Viettesol International Convention 2022”.	
14.	Phạm thị Thu Hà (2022), “ <i>A potential methodology for comparing and contrasting street names in England and Vietnam</i> ”, Báo cáo hội thảo 19th AsiaCALL International Conference.	
15.	Phạm thị Thu Hà (2023), “ <i>The structure of street names in England</i> ”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “Xu thế mới trong đào tạo tiếng Anh tại các trường đại học đa ngành và liên ngành”.	
16.	Phạm thị Thu Hà (2024), “ <i>The meanings of street names in England</i> ”, Tạp chí Kinh Doanh và Công Nghệ.	
17.	Phạm thị Thu Hà (2025), “ <i>Street Names in England and Vietnam (Sách chuyên khảo)</i> ”, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.	
18.	Phạm Thị Hồng Hoa (2020), “ <i>Chính sách an sinh xã hội tại Thái Lan và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam</i> ”, Tạp	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q4/2020.	
19.	Phạm Thị Hồng Hoa (2021), “ <i>Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q4/2021.	
20.	Phạm Thị Hồng Hoa (2022), “ <i>Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên trường đại học Sao Đỏ hiện nay</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q3/2022.	
21.	Phạm Thị Hồng Hoa (2023), “ <i>Chính sách an sinh xã hội đối nông dân Việt Nam, kinh nghiệm từ Trung Quốc</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q2/2023.	
22.	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), “ <i>Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản</i> ”, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ.	
23.	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), “ <i>Chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa tại tỉnh HD</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q2/2024.	
24.	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), “ <i>Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại VN</i> ”, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ.	
25.	Phạm Thị Hồng Hoa (2025), “ <i>Nợ và quản lý nợ nước ngoài tại VN</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q1/2025.	
26.	Vũ Văn Tản (2020), “ <i>Strength analysis of oil tanker structure by nonlinear Finite element method</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ	
27.	Vũ Văn Tản (2020), “ <i>Nghiên cứu động lực học của hệ thống đường ống – Phao nổi dựa trên hệ phương pháp tọa độ nút tuyệt đối</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ	
28.	Vũ Văn Tản (2021), “ <i>A CED Study on Blade Geometry of Ship Propellers</i> ”, Journal of Mechanical Engineering Research and Developments.	
29.	Vũ Văn Tản (2022), “ <i>Structural optimization of ship structures based on structural analysis using nonlinear finite</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>element method</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ.	
30.	Vũ Văn Tản (2022), “ <i>Optimization of ultimate bearing capacity of river-to-sea ships structure</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ	
31.	Vũ Hoa Kỳ (2021), “ <i>Phân tích cấu trúc và tiềm năng của hệ truyền động thủy tĩnh ứng dụng trên máy kéo lâm nghiệp</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Q1/2021.	
32.	Vũ Hoa Kỳ (2021), “ <i>Nghiên cứu, dự đoán cấu trúc trong quá trình đông đặc hợp kim nhôm A356 bằng mô hình MCA 2 - D & 3 - D</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Q2/2021.	
33.	Vũ Hoa Kỳ (2021), “ <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến chất lượng sản phẩm trong công nghệ dập thủy tĩnh phiêu tằm bằng mô phỏng số</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Q2/2021	
34.	Vũ Hoa Kỳ (2021), “ <i>Phân tích, so sánh ô tô pin nhiên liệu và ô tô điện</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Q3/2021.	
35.	Vũ Hoa Kỳ (2022), “ <i>Nghiên cứu chất lượng bề mặt chi tiết sau khi tạo hình bằng công nghệ lăn ép</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Q3/2022.	
36.	Vũ Hoa Kỳ (2025), “ <i>Buckling behavior of multilayer woven composite plates with various cut-outs</i> ”, Журнал <<Интернаука>> №39(403), 2025г.	
37.	Đỗ Tiến Quyết (2020), “ <i>Xác định các lực khí động học tác dụng lên xe khách cỡ lớn bằng thực nghiệm</i> ”, Tạp chí Cơ khí Việt Nam.	
38.	Đỗ Tiến Quyết (2022), “ <i>Study on the Dynamic Instability of a Bus in Crosswind Conditions</i> ”, J. Science and technology: Engineering and Technology for Sustainable Development.	
39.	Đỗ Tiến Quyết (2022), “ <i>Nghiên cứu đánh giá độ lệch bên, góc xoay thân xe, phản lực tại bánh xe của xe khách cỡ lớn trong điều kiện gió ngang</i> ”, Tạp chí Giao thông vận tải.	
40.	Đỗ Tiến Quyết (2023), “ <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của đường đến đặc tính tăng tốc và tiêu thụ nhiên liệu của ô tô bằng phần mềm Carsim</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
41.	Đỗ Tiến Quyết (2023), “ <i>Nghiên cứu mất ổn định động lực học của xe du lịch trong điều kiện có gió ngang</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
42.	Đỗ Tiến Quyết (2023), “ <i>Study on motion stability of a bus in crosswind conditions according to iso test standards</i> ”, Transport and Communications Science Journal.	
43.	Đỗ Tiến Quyết (2025), “ <i>Nghiên cứu ổn định chuyển động của xe khách 16 chỗ trong điều kiện gió ngang</i> ”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ.	
44.	Đỗ Tiến Quyết (2025), “ <i>Mô phỏng sự truyền nhiệt trong biến mô thủy lực nhằm nâng cao hiệu quả truyền nhiệt</i> ”, Tạp chí Cơ khí Việt Nam	
45.	Ngô Hữu Mạnh (2020), “ <i>Phân tích và mô phỏng quá trình hàn giáp mối vát mép chữ V giữa thép các bon SS400 với thép không gỉ SUS304</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ P-ISSN 1859-3585; E-ISSN 2615-9619, Tập 56, Số 4-8/2020, trang 63-68.	
46.	Ngô Hữu Mạnh (2020), “ <i>Effect of the eddies formed inside a weld pool on welding defects during plasma keyhole arc welding</i> ”, Journal of Manufacturing Processes/ISSN 1526 6125, ISI/SCI E (Q1, IF2020= 3.5), 59, 649 - 657.	
47.	Ngô Hữu Mạnh (2021), “ <i>Phân tích sự chuyển pha và trường nhiệt khi hàn nối ống thép các bon bằng quá trình Orbital – MAG</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ P-ISSN 1859-3585, Tập 57, Số 2-4/2021, trang 72-77.	
48.	Ngô Hữu Mạnh (2021), “ <i>Tối ưu hóa chế độ cắt và độ nhám bề mặt khuôn dập khi gia công vật liệu composite nền nhựa, cốt hạt</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ/ ISSN 1859-4190, Số 1 (72)/2021, trang 32-28.	
49.	Ngô Hữu Mạnh (2022), “ <i>Ảnh hưởng của Crôm các bit đến độ cứng và khả năng làm việc của cánh vít khi hàn bột hợp kim Durmat 506 PTA</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ P-ISSN 1859-3585; E-ISSN 2615-9619 Tập 58, Số 2-4/2022, trang 72-77.	
50.	Ngô Hữu Mạnh (2022), “ <i>Laser and using laser cutting fabric, leather in industry</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ Số 2 (77)/2022, trang 45-49.	
51.	Ngô Hữu Mạnh (2023), “ <i>Successful joining of ultra-thin AA3003 aluminium alloy sheets by the novel GTAW process</i> ”, Journal of Vacuum/ ISSN 1526-6125 ISI/SCI E (Q1, IF2023= 4.11).	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
52.	Ngô Hữu Mạnh (2023), “ <i>Unique characteristics of the novel-GTAW process for the butt joint of ultra-thin silicon steel sheets</i> ”, ISI/SCI E (Q1, IF2022= 5.68).	
53.	Ngô Hữu Mạnh (2023), “ <i>Thiết kế, chế tạo thiết bị cắt kim loại tấm mỏng, ứng dụng trong các ngành công nghiệp</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ Số 1(80)/2023 , trang 23 - 28.	
54.	Ngô Hữu Mạnh (2024), “ <i>A Study Fuzzy Nonsingular Fast Terminal Sliding Mode Control for Pendubot with Uncertainties</i> ”, Conference on intelligent systems and networks (ICISN 2023).	
55.	Ngô Hữu Mạnh (2024), “ <i>Điều khiển thích nghi mờ PID cho Ballbot chịu nhiễu bất định</i> ”, Hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí lần thứ VII NSCME2023 Vol. 60 - No. 1, trang 138 141.	
56.	Ngô Hữu Mạnh (2024), “ <i>Environmental Performance Comparison Between Wire-Arc and Powder-Laser-Based DED Processes</i> ”, MMMS 2023.	
57.	Ngô Hữu Mạnh (2024), “ <i>Phương pháp ghép nối các tấm thép silicon trong stator của động cơ điện: Tổng quan – Phần 1</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ Số (1) 84, trang 37-43.	
58.	Ngô Hữu Mạnh (2024), “ <i>Metal flow observation by multi dimensional innovated X-ray image technology</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ Số (2) 85, trang 34-39.	
59.	Ngô Hữu Mạnh (2024), “ <i>Phương pháp ghép nối các tấm thép silicon trong stator của động cơ điện: Tổng quan – Phần 2</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ Số (3) 86, trang 45-52.	
60.	Ngô Hữu Mạnh (2024), “ <i>Mô phỏng ứng suất và biến dạng khi làm việc của sàng rung</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ Số (4) 87, trang 44-49.	
61.	Ngô Hữu Mạnh (2025), “ <i>“In-situ” X-ray Image for Material Science and Manufacturing focusing on Welding and Additive Manufacturing: A Review</i> ”, Proceedings of the 4th Annual International Conference on Material, Machines and Methods for Sustainable Development (MMMS) 2024.	
62.	Ngô Hữu Mạnh (2025), “ <i>Nghiên cứu phương pháp ghép nối thép tấm với thép trụ bằng công nghệ hàn hồ quang: Tổng quan – Phần 1</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
63.	Ngô Hữu Mạnh (2021), “ <i>Công nghệ hàn Plasma bột – PTA</i> ”, ISBN: 978-604-67 1859-8	
64.	Ngô Hữu Mạnh (2022), “ <i>Thiết bị gá kẹp, phương pháp cố định tấm vật liệu được hàn và phương pháp hàn hồ quang đối với tấm mỏng và siêu mỏng</i> ”, QĐ-SHTT (CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 398 TẬP A - QUYỀN 1 (05.2021) - ISSN 0868-2534)	
65.	Trần Hải Đăng (2021), “ <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến chất lượng sản phẩm trong công nghệ dập thủy tĩnh phối tấm bằng mô phỏng số</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 năm 2021.	
66.	Trần Hải Đăng (2022), “ <i>Nghiên cứu chất lượng bề mặt chi tiết sau khi tạo hình bằng công nghệ lăn ép</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 năm 2022.	
67.	Trần Hải Đăng (2022), “ <i>Nghiên cứu quá trình biến dạng tự do của vật liệu DC04 trong công nghệ dập thủy tĩnh phối tấm</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 năm 2022.	
68.	Trần Hải Đăng (2024), “ <i>Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong quá trình dập tạo hình đa điểm</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 năm 2024.	
69.	Trần Hải Đăng (2025), “ <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ chày và góc nghiêng thành khuôn đến chất lượng sản phẩm trong quá trình dập đa điểm phối tấm</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 năm 2025.	
70.	Nguyễn Văn Hình (2020), “ <i>Determination of aircraft hydraulic system pipeline leak cause</i> ”, MATEC Web Conf..	
71.	Nguyễn Văn Hình (2023), “ <i>Nâng cao chất lượng bề mặt bằng phương pháp miết ép dao động</i> ”, Số 1 - Nghiên cứu khoa học – Đại học Sao Đỏ.	
72.	Nguyễn Văn Hình (2023), “ <i>Ứng dụng mô phỏng số kết hợp với công nghệ Synchronuos trong thiết kế và tối ưu cơ cấu Cam</i> ”, Số 2 - Nghiên cứu khoa học – Đại học Sao Đỏ.	
73.	Nguyễn Văn Hình (2024), “ <i>So sánh chất lượng bề mặt của chi tiết máy khi hóa bền bằng các phương pháp biến dạng dẻo khác nhau</i> ”, Số 1 - Nghiên cứu khoa học – Đại học Sao Đỏ.	
74.	Nguyễn Văn Hình (2024), “ <i>A Novel Evaluate the Ultimate Strength of Plate Having Cutout Under In-Plane Compression</i> ”, International Journal of Mechanical Engineering and Applications.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
75.	Nguyễn Văn Hình (2024), “ <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của động học đến trạng thái ứng suất khi miết ép</i> ”, Số 3 - Nghiên cứu khoa học – Đại học Sao Đỏ.	
76.	Nguyễn Văn Hình (2025), “ <i>Nghiên cứu các tham số kích thước ảnh hưởng đến ứng suất của tấm phẳng có lỗ khoét hình tròn</i> ”, Số 1 - Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ.	
77.	Nguyễn Văn Hình (2025), “ <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của vật liệu đến chất lượng bề mặt khi miết ép dao động</i> ”, Số 2 - Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ.	
78.	Hà Minh Tuấn (2020), “ <i>Complete grid pattern decoding method for a one-shot structured light system</i> ”, Applied Optics.	
79.	Hà Minh Tuấn (2020), “ <i>Accurate stacked-sheet counting method based on deep learning</i> ”, Journal of the Optical Society of America A.	
80.	Hà Minh Tuấn (2020), “ <i>A novel multi-sensor calibration for 3D shape reconstruction</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q4/2020.	
81.	Hà Minh Tuấn (2020), “ <i>A Grid-Point Detection Method based on U-Net for a Structured Light System</i> ”, 4th International Conference on Computer Science and Information Technology (COMIT 2020), November 28–29, 2020, Dubai, UAE.	
82.	Hà Minh Tuấn (2021), “ <i>A novel visual inspection system for rail surface spalling detection</i> ”, The 2020 7th International Conference on Advanced Materials, Mechanics and Structural Engineering (7th AMMSE 2020), 25th–27th September 2020, Taipei, Taiwan.	
83.	Hà Minh Tuấn (2021), “ <i>Accurate feature point detection method exploiting the line structure of the projection pattern for 3D reconstruction</i> ”, Applied Optics.	
84.	Hà Minh Tuấn (2024), “ <i>A methodology for automatic detection and improving datamatrix code decoding rate in industry</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q2/2024.	
85.	Hà Minh Tuấn (2024), “ <i>Squat defect detection method for railway using Yolov8 model</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q3/2024.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
86.	Hà Minh Tuấn (2025), “ <i>Disease classification method for rice fields using drones and deep learning technique</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q3/2025.	
87.	Hà Minh Tuấn (2025), “ <i>A two-stage identification framework for product visual inspection</i> ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q3/2025.	
88.	Hà Minh Tuấn (2025), “ <i>Improved YOLOv8 for rail squat detection and identification</i> ”, Indonesian Journal of Electrical Engineering and Computer Science.	
89.	Nguyễn Đình Cường (2025) “ <i>Research on the Effects of TiO₂ Nano -admixture in Lubricating Oil</i> ”, Metallurgy Materials Engineering, IIM 2025, Trans Indian Inst Met (2025) 78:53; Published online: 11 January 2025 (Scopus Q2).	
90.	Nguyễn Phương Ty (2022) “ <i>Điều khiển bền vững thích nghi trên cơ sở mờ Noron mờ điều khiển cho tay máy robot</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ. Số 1 (76).2022, tr 13-19. Mã số: ISSN 1859 – 4190.	
91.	Nguyễn Phương Ty (2024) “ <i>A methodology for automatic detection and improving Datamatrix code decoding rate in industry (Phương pháp phát hiện tự động và cải thiện tỷ lệ giải mã Datamatrix trong công nghiệp)</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ. Số 2 (85).2024, tr 12-16. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	
92.	Nguyễn Phương Ty (2024) “ <i>Squat defect detection method for railway using Yolov8 model (Phương pháp phát hiện hư hại vết lõm trên đường ray sử dụng mô hình Yolov8)</i> ”, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ. Số 3 (86).2024, tr 25-30. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	

4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

- Đội ngũ GV hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành kỹ thuật cơ khí. Tuy nhiên, căn cứ vào Chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Cơ khí đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường và khoa cử nhiều GV đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm tổ chức từ 20 - 40 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho GV.

- Tiếp tục chọn cử GV đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của ngành kỹ thuật cơ khí (có 04 NCS trong nước), dự kiến đến năm 2030 có thêm 04 Tiến sĩ ngành kỹ thuật cơ khí để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kỹ thuật cơ khí dự kiến mở.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động NCKH, hoạt động thực tế, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; hỗ trợ GV đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ GV có học hàm giáo sư và phó giáo sư hoặc tiến sĩ.

Hằng năm, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học

Trường DHSĐ có 02 cơ sở đào tạo: Cơ sở 1 tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng; Cơ sở 2 tại Km 78, quốc lộ 37, KDC Thái Học, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng. Diện tích 02 cơ sở là gần 27 ha. Hoạt động đào tạo với đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các trung tâm thực hành, thực nghiệm phù hợp đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ các CTĐT theo quy định hiện hành.

Nhà trường hiện nay có 121 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 847m². 100% phòng học lý thuyết được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát tạo điều kiện cho SV học tập. Có 10 phòng thi trắc

nghiệm sử dụng phần mềm PMT-EMS có bản quyền. Nhà trường có hạ tầng CNTT áp dụng các phần mềm trong quản lý đào tạo, quản lý hỗ trợ học tập, cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành kỹ thuật cơ khí.

Nhà trường có các phòng thực hành ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn, các phần mềm bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, các phòng học thực hành giảng dạy Tin học, lập trình và sử dụng các phần mềm ứng dụng với các trang thiết bị thực hành tương ứng.

Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ <https://saodo.edu.vn/>. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT v.v...

Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (Phòng học, phòng học thực hành)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học lý thuyết	121	8470	Màn hình LCD, máy chiếu projector	121 bộ	Các học phần/môn học lý thuyết
2	Phòng học máy tính ứng dụng công nghệ	18	1170	Máy tính bàn, màn hình LCD	540 bộ	Các học phần/môn học về Tin học, lập trình, khai thác phần mềm ứng dụng toán học, công nghệ trong dạy học, thiết kế bài giảng điện tử ...
3	Phòng thực hành ngoại ngữ	4	386	Máy chủ, máy tính cá nhân, máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, hệ thống phần mềm chuyên dụng	134 bộ	Các học phần rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ Nghe, nói, đọc, viết
4	Giảng đường đa năng	01	900 chỗ ngồi	Màn hình LCD, máy chiếu projector	01	Hội họp, học kỹ năng mềm

Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
I	Phòng thực hành ngoại ngữ số 1					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ. Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
II	Phòng thực hành ngoại ngữ số 2					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ, Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Kỹ thuật cơ khí	
IV	Phòng thực hành, học tập ngành kỹ thuật cơ khí					
1	Phòng thí nghiệm vật liệu	1	2012	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
2	Phòng thí nghiệm sức bền vật liệu	1	2012	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
3	Phòng thực hành/thực nghiệm đo lường	1	2012	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
4	Phòng thực hành/thực nghiệm Cơ-Điện tử/PLC	1	2025	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
5	Phòng thực hành CAD/CAM	1	2018	Nhật Bản	Kỹ thuật cơ khí	
6	Phòng thực hành/ thực nghiệm CNC	1	2015	Việt Nam	Kỹ thuật cơ khí	
7	Phòng thí nghiệm công nghiệp số Siemens	1	2018	Việt Nam	Toán ứng dụng	
8	Phòng thực hành điều khiển lập trình PLC	1	2015	Việt Nam	Toán ứng dụng	

Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo sau đại học, đặc biệt là bồi dưỡng năng lực chuyên sâu cho học viên cao học, Khoa Cơ khí hiện đang quản lý và vận hành hệ thống xưởng thực hành – thí nghiệm hiện đại với tổng diện tích sử dụng khoảng 800 m². Đây là hạ tầng trọng yếu phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển ứng dụng trong lĩnh vực cơ khí – chế tạo máy.

Toàn bộ các xưởng thực hành và phòng thí nghiệm đều được đầu tư đồng bộ và trang bị hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn giảng dạy thực hành bậc cao. Hệ thống không gian học tập được thiết kế mở, linh hoạt và tiện nghi, với điều hòa không khí, màn hình Tivi cỡ lớn hỗ trợ trình chiếu trực quan, cùng hệ thống camera giám sát đảm bảo an ninh, an toàn lao động và hỗ trợ quản lý lớp học thực hành hiệu quả.

Hệ thống xưởng và phòng thí nghiệm chuyên ngành

Xưởng tiện (Phòng 101 - X4): Đây là khu vực phục vụ các học phần gia công cơ sở và chế tạo phôi, đồng thời là nơi sinh viên, học viên rèn luyện kỹ năng vận hành máy công cụ truyền thống. Nhà trường đã trang bị 18 máy tiện vạn năng đồng bộ, bảo đảm khả năng tổ chức thực hành cho các lớp quy mô lớn.

Xưởng thực hành Gia công cơ khí (Phòng 102 - X3): Đây là trung tâm công nghệ hàn và gia công cơ khí tiên tiến, nơi kết hợp giữa thực hành truyền thống và ứng dụng công nghệ tự động hóa. Xưởng được trang bị Robot hàn ALMEG AX - MV6 phục vụ nghiên cứu tự động hóa quá trình hàn, cùng nhiều thiết bị chuyên dụng như máy hàn điểm, máy hàn vô cấp (300A-11040203), máy

hàn TIG OTC, và máy cắt PLASMA. Bổ sung cho các công nghệ trên là hệ thống máy phay vạn năng, máy khoan đứng, máy bào, và máy mài hai đá, giúp người học làm chủ quy trình gia công kim loại hoàn chỉnh.

Xưởng thực hành CNC: Đây là khu vực trọng điểm của Khoa, phục vụ trực tiếp cho các học phần CAD/CAM/CNC và nghiên cứu về tự động hóa sản xuất. Hệ thống thiết bị gồm Trung tâm gia công đứng (VMC-0641), máy phay CNC (Xmill-M900), máy tiện CNC băng nghiêng (JG-100), máy tiện CNC (Model CAK 36-750/6136) và máy phay mini chuyên dụng. Bên cạnh đó, xưởng còn được trang bị máy xung điện (P36+E50) và máy cắt dây CNC (GS3240), cho phép gia công các chi tiết phức tạp, phục vụ nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực công nghệ chế tạo chính xác và khuôn mẫu.

Phòng thực hành Vật liệu & Đo lường: Đây là phòng thí nghiệm chuyên phục vụ công tác kiểm định, đo lường và nghiên cứu đặc tính vật liệu, được trang bị các thiết bị đo tiên tiến như máy đo tọa độ 3 chiều CMM Mitutoyo (Model: Crysta Plus M443), máy kéo nén vạn năng WEW-600B, cùng hệ thống thiết bị thử nghiệm cơ tính vật liệu đa dạng: máy đo độ cứng Brinell (HB), máy đo độ cứng Rockwell (HR), lò nung điện trở (SX2,5-12/15 IV 1484), kính hiển vi cầm tay, và máy mài hai đá mini. Các thiết bị này cho phép học viên tiếp cận trực tiếp với quy trình đánh giá cơ tính và phân tích vật liệu kim loại ở mức độ chuyên sâu.

Phòng thực hành Công nghiệp số (Phòng 101 - X3): Đây là không gian đào tạo số hóa trong lĩnh vực thiết kế và mô phỏng cơ khí, phục vụ tốt nhất cho các học phần thuộc chuỗi kỹ thuật công nghiệp 4.0. Phòng được trang bị 26 máy tính cấu hình cao, cài đặt đồng bộ các phần mềm bản quyền như Siemens NX, AutoCAD, Autodesk Inventor, MasterCAM, Altair Inspire, COMSOL Multiphysics và Geometric Design. Hệ thống này hỗ trợ mạnh mẽ cho các nội dung mô phỏng thiết kế sản phẩm, phân tích cơ học – nhiệt học, tối ưu hóa cấu trúc, và lập trình gia công CNC.

Nhờ hệ thống cơ sở vật chất được đầu tư bài bản, hiện đại và duy trì thường xuyên, Khoa Cơ khí hiện có đủ năng lực tổ chức đào tạo chất lượng cao, hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực gia công cơ khí chính xác, tự động hóa, vật liệu và mô phỏng số. Đây chính là nền tảng quan trọng giúp khoa không ngừng nâng cao hiệu quả đào tạo sau đại học, gắn kết giữa nghiên cứu – sản xuất – công nghiệp thông minh, hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư, thạc sĩ cơ khí chuyên nghiệp, sáng tạo và hội nhập quốc tế.

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

** Thư viện*

Thư viện Trường ĐHSD có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để SV tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m² với trên 5.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (<http://lib.saodo.edu.vn>), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 121 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (<https://hub.idk.org.vn>) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

** Phòng đọc tài liệu điện tử:*

- Số lượng phòng: 02

- Số lượng máy tính: 50 máy

- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

Danh mục chi tiết các thiết bị được trang bị cho Phòng đọc tài liệu điện tử (Bảng 5.3).

Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	47	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3.	Wiless AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	Đài loan	
5.	Swich quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Số lượng phòng: 05

- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.

- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp trên 5.000 đầu sách,

báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

* *Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 02.

- Diện tích phòng: 100 m²/phòng.

- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp.

- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính, v.v..

Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Kỹ thuật cơ khí

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm	Tên HP sử dụng/tham khảo	Ghi chú
1.	Giáo trình Triết học (dùng cho đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ...)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật - 2022	Triết học	
2.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	Chính trị quốc gia - 2002		
3.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Viết Thông	Chính trị quốc gia - 2009		
4.	Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	Chính trị Quốc gia - 2007		
5.	Speakout Intermediate (2nd Edition)	JJ Wilson, A. C	Pearson Education Limited - 2015	Tiếng Anh	
6.	Academic Vocabulary in Use	Cambridge University Press	Cambridge University Press - 2013		
7.	Advanced Grammar in Use (3rd Edition)	Hewings, M.	Cambridge University Press - 2013		
8.	Destination B2 Grammar & Vocabulary	Mann, M & Taylore-Knowles. S	Macmillian Education - 2006		
9.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	GS.TS. Phạm Quang Trung	Đại học Kinh tế quốc dân - 2020	Quản trị tài chính	
10.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Bùi Thúy Loan	Thống kê - 2023		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm	Tên HP sử dụng/tham khảo	Ghi chú
11.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự	Khoa học kỹ thuật - 2010	Kỹ năng phân tích, viết và xuất bản NCKH	
12.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục - 2021		
13.	Thực hành PP phần tử hữu hạn với chương trình RDM	Quách Hoài Nam	Khoa học kỹ thuật - 2013	Phương pháp phần tử hữu hạn	
14.	Ứng dụng PP phần tử hữu hạn trong tính toán kết cấu	Nguyễn Hoài Sơn và cộng sự	ĐHQG TP.HCM - 2012		
15.	Advanced sliding mode control for mechanical systems	Jinkun Liu, Xinhua Wang	2007		
16.	Quy hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm	PGS.TS. Đào Văn Hiệp	Khoa học và Kỹ thuật - 2017	Qui hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm	
17.	Design and Analysis of Experiments	Montgomery D.C.	John Wiley & Sons - 2017		
18.	Statistics for Experimenters	Box, Hunter & Hunter	Wiley - 2005		
19.	Applied Statistics and Probability for Engineers	Montgomery & Runger	Wiley - 2018		
20.	Động lực học hệ nhiều vật	GS.TSKH. Nguyễn Văn Khang	Bách khoa Hà Nội - 2020	Mô hình hóa và mô phỏng số	
21.	Kết cấu ô tô	PGS. TS. Nguyễn Khắc Trai	Bách khoa Hà Nội - 2020		
22.	Lập trình Matlab và ứng dụng	Nguyễn Hoàng Hải	Khoa học và kỹ thuật		
23.	Vehicle Suspension System Technology and Design	Avesta Goodarzi	Springer - 2017		
24.	Vật liệu tiên tiến	Trương Văn Tân	Trẻ - 2008	Vật liệu tiên tiến và công nghệ Nano	
25.	Vật liệu và thiết bị nano	Trương Văn Tân	Tổng hợp TP.HCM - 2021		
26.	Khoa học và công nghệ nano	Trương Văn Tân	Tri thức - 2009		
27.	Cơ học vật liệu và kết cấu Composite	Trần Minh Tú	Xây dựng - 2016		
28.	Phá hủy vật liệu: Kiến thức cơ bản và ứng dụng	Trần Hưng Trà, Huỳnh	Trẻ - 2016		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm	Tên HP sử dụng/tham khảo	Ghi chú
		Văn Vũ			
29.	Mechanics of materials	James M.Gere	Pacific Grove - 2001		
30.	Materials Engineering	Michael Ashby, David R.H	Elsevier - 2006		
31.	Lý thuyết biến dạng dẻo	Nguyễn Tất Tiến	Giáo dục - 2004		
32.	The Mechanical and Thermodynamical Theory of Plasticity	Negahban	CRC Press - 2012		
33.	Plasticity Theory	Jacob Lubliner	Dover Books - 2008	Lý thuyết tạo hình bề mặt	
34.	Theory of Elasticity and Plasticity	Helena H. Jane	PHI - 2015		
35.	Theory of Plasticity	Chakrabarty	Butterworth-Heinemann - 2006		
36.	Tính toán thiết kế hệ dẫn động cơ khí (Tập 1)	Trịnh Chất, Lê Văn Uyên	Giáo dục - 2006		
37.	Cẩm nang thiết kế cơ khí (Tập 1, 2)	Hà Văn Vui và cộng sự	Khoa học và Kỹ thuật - 2006	Tính toán thiết kế cơ khí	
38.	Shigley's Mechanical Engineering Design (10th Ed)	Richard G. Budynas	McGraw-Hill Education - 2015		
39.	Công nghệ hàn plasma bột-PTA	Ngô Hữu Mạnh	Khoa học và kỹ thuật - 2021		
40.	Thực hành Thiết kế ngược và Tạo mẫu nhanh	Lê Hoàng Anh	ĐH SPKT Vĩnh Long - 2015	Công nghệ bồi đắp kim loại và in 3D	
41.	Công nghệ in 3D-Lý thuyết, ứng dụng, thực hành	Đặng Văn Nghìn	ĐHQG TP.HCM - 2020		
42.	Giáo trình các phương pháp gia công tiên tiến	Hoàng Tiến Dũng (Chủ biên)	Khoa học và Kỹ thuật - 2022	Các phương pháp gia công tiên tiến	
43.	Gia công tia lửa điện CNC	TS. Vũ Hoài Ân	Khoa học và Kỹ thuật - 2005		
44.	Optimization of machining techniques... (Review)	Aman Aggarwal, Hari Singh	Sādhanā (Vol 30) - 2005		
45.	Encyclopedia of Optimization (2nd ed)	C. A. Floudas	Springer - 2009	Tối ưu hóa quá trình gia công cắt gọt	
46.	Design of Experiments with MINITAB	Paul G. Mathews	ASQ Quality Press - 2005		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm	Tên HP sử dụng/tham khảo	Ghi chú
47.	RSM Simplified	Mark J. Anderson	Productivity Press - 2016		
48.	Bộ điều khiển logic khả trình PLC và ứng dụng	Nguyễn Văn Khang	Bách Khoa Hà Nội - 2019	Điều khiển PLC trong Cơ khí	
49.	Lập trình PLC - SCADA mạng truyền thông công nghiệp	Lê Ngọc Bích, Phạm Quang Huy	Bách Khoa Hà Nội - 2016		
50.	Công nghệ hàn plasma bột-PTA	Ngô Hữu Mạnh	Khoa học và kỹ thuật - 2021	Công nghệ tạo lớp phủ bề mặt bằng Plasma và Laser	
51.	Công nghệ phun phủ và ứng dụng	Hoàng Tùng	Khoa học và kỹ thuật - 2002		
52.	Vật liệu cơ bản và xử lý nhiệt	Hoàng Tùng	Khoa học và kỹ thuật - 2007		
53.	Nghiên cứu phát triển sản phẩm ô tô và cơ khí	PGS.TS. Phạm Xuân Mai	Khoa học và kỹ thuật - 2020	Thiết kế và phát triển sản phẩm	
54.	Thiết kế và phát triển sản phẩm	Trần Anh Tuấn	Dân Trí - 2013		
55.	Giáo trình phương pháp thiết kế kỹ thuật	Nguyễn Thanh Nam	ĐHQG TP.HCM - 2007		
56.	Thiết kế, phân tích hệ thống cơ khí theo độ tin cậy	Nguyễn Hữu Lộc	Khoa học và Kỹ thuật - 2005		
57.	Ma sát học	Nguyễn Minh Tuấn	Khoa học và kỹ thuật - 2007	Ma sát, mài mòn và bôi trơn	
58.	Ma sát, mòn, bôi trơn	Nguyễn Doãn Ý	Khoa học và kỹ thuật - 2012		
59.	Giáo trình Lý thuyết điều khiển tự động	Phan Xuân Minh	Giáo dục - 2008	Kỹ thuật điều khiển tự động	
60.	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng HT ĐKTD	Đinh Văn Nhượng	Khoa học và kỹ thuật - 2014		
61.	Lý thuyết điều khiển tự động	Phạm Công Ngô	Khoa học và kỹ thuật - 2007		
62.	Lý thuyết điều khiển tự động thông thường và hiện đại	PGS.TS. Nguyễn Thương Ngô	Khoa học và kỹ thuật - 2009		
63.	Tự động hóa quá trình dập tạo hình	Phạm Văn Nghệ	Khoa học Kỹ thuật - 2006	Tự động hóa trong gia công áp lực	
64.	Công nghệ sửa chữa và phục hồi chi tiết máy	PGS.TS. Nguyễn Văn Tu	Khoa học và Kỹ thuật - 2014	Công nghệ sửa chữa và phục hồi	
65.	Công nghệ bề mặt và nâng cao tuổi thọ chi tiết máy	PGS.TS. Phạm Văn Hùng	Khoa học và Tự nhiên - 2018		
66.	Tribology: Friction and	I. M.	Butterworth-		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm	Tên HP sử dụng/tham khảo	Ghi chú
	Wear of Engineering Materials	Hutchings & P. Shipway	Heinemann - 2017		
67.	Steel Heat Treatment: Metallurgy and Technologies	G. E. Totten	CRC Press - 2006		
68.	Công nghệ gia công tinh bóng bằng vật liệu hạt (Q1)	Nguyễn Đắc Lộc (Chủ biên)	Bách khoa Hà Nội - 2023	Gia công tinh bóng bằng vật liệu hạt mài	
69.	Công nghệ gia công tinh bóng bằng vật liệu hạt (Q2)	Trần Văn Địch	Bách khoa Hà Nội - 2023		
70.	RSM Simplified	Mark J. Anderson	Productivity Press - 2016	Thực tập tốt nghiệp - Đề án tốt nghiệp	
71.	Kỹ thuật an toàn và môi trường	Đinh Đắc Hiến, Trần Văn Địch	Khoa học và kỹ thuật - 2006		
72.	Sổ tay công nghệ Chế tạo máy	Nguyễn Đắc Lộc	Trường ĐH BKHN - 2010		
73.	Các phương pháp gia công tiên tiến	Nguyễn Quốc Tuấn	Khoa học và kỹ thuật - 2014		
74.	Mô hình hóa và mô phỏng	Trương Vũ Bằng Giang	ĐHQG Hà Nội - 2010		
75.	Quy hoạch thực nghiệm	Nguyễn Doãn Ý	Khoa học và kỹ thuật - 2006		
76.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục - 2023		
77.	Autodesk Inventor, phần mềm thiết kế công nghiệp	PGS.TS. An Hiệp	Khoa học và kỹ thuật - 2004		
78.	Giáo trình Công nghệ CNC	GS.TS. Trần Văn Địch	Giáo dục Việt Nam - 2012		
79.	Phần mềm thiết kế công nghệ CAD/CAM điều khiển các máy CNC	Trần Vĩnh Hưng	Khoa học và Kỹ thuật - 2007		

Như vậy, Trường ĐHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSD đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, GV, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ dự kiến mở, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường ĐHSD là Phòng Đào tạo và Tuyển sinh, Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo; kế hoạch đào tạo; quy định và quy trình đào tạo; công tác tổ chức giảng dạy; biên soạn giáo trình; công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ dự kiến mở là Khoa Cơ khí sẽ quản lý và giảng dạy các học phần cơ sở ngành và ngành trong các CTĐT của Trường.

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, gồm các thành viên sau (Bảng 6.1):

Bảng 6.1. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí dự kiến mở

Số TT	Họ và tên	Trình độ Đào tạo	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hình	Tiến sĩ	Trưởng khoa	
2	Mạc Văn Giang	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa/ Trưởng Bộ môn	
3	Nguyễn Danh Đạo	NCS	Phó trưởng khoa	

VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

Như phân tích và kết quả khảo sát nhu cầu nguồn lực ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ dự kiến mở phần trên và các điều kiện mở ngành. Ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên một số rủi ro có thể xảy ra sau khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cần phải dự báo để có giải pháp phòng ngừa và xử lý nếu xảy ra. Một số rủi

ro có thể xảy ra khi triển khai tuyển sinh, đào tạo ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ như sau: Rủi ro đến từ chất lượng nguồn nhân lực, rủi ro tác động đến chất lượng đào tạo, rủi ro tác động đến tỉ lệ giảng viên chuyên công tác và tham gia giảng dạy, hướng dẫn đề án tốt nghiệp, rủi ro trong chất lượng tuyển sinh, rủi ro chất lượng đầu ra, rủi ro trong cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo, không giữ được mã ngành đào tạo.

- Rủi ro đến từ chất lượng nguồn nhân lực

Kết quả khảo sát thực tế đã trình bày ở phần trên cho thấy, nhu cầu nhân lực ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ là rất lớn nên rủi ro không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên, trong trường hợp không tuyển sinh được Nhà trường và khoa sẽ tăng cường thêm công tác truyền thông trực tiếp và gián tiếp qua các nền tảng số để tiếp cận người học, cung cấp thông tin tuyển sinh cũng như tư vấn về xu thế phát triển ngành, nhu cầu và cơ hội của ngành đào tạo,... Bên cạnh đó tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học; luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

- Sự cạnh tranh trong tuyển sinh đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Luôn nâng cao và bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín, vị thế của trường đối với xã hội.

Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật CTĐT cho phù hợp với yêu cầu tuyển dụng, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, việc giới thiệu việc làm cho HV sau khi tốt nghiệp. Nâng cao hiệu quả của hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau. Nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân HV, từng GV, các đơn vị quản lý trong hoạt động tư vấn tuyển sinh.

- Học viên bỏ học, thực hiện không đảm bảo tiến độ học tập

Thiết kế CTĐT, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học. Bồi dưỡng GV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, linh hoạt trong các hình thức và phương pháp giảng dạy nhằm thu hút và tạo hứng thú học tập cho HV.

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho người học. Giáo viên chủ nhiệm, cố

vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của từng HV, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời nắm bắt các nguyên nhân HV bỏ học để có phương án hỗ trợ.

Sau mỗi kỳ học, giáo viên chủ nhiệm, Khoa thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ HP, các điều kiện học tiếp của HV... kịp thời thông báo, trao đổi với HV và tìm ra các nguyên nhân và hướng khắc phục, hỗ trợ. Nhà trường xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện. Có những chính sách hỗ trợ, động viên, khen thưởng đối với HV có hoàn cảnh khó khăn, HV có kết quả học tập tốt,...

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các Hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp. Đối với các trường hợp HV bỏ học do việc lựa chọn ngành học chưa phù hợp với sở thích, năng lực bản thân cần làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp. Trường hợp HV không theo kịp tiến độ đào tạo do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu, các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở kế hoạch học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

- Rủi ro về thiếu đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT

Sự biến động về đội ngũ GV xảy ra có thể do nguyên nhân GV đến tuổi về hưu hoặc chuyển công tác. Giải pháp xử lý rủi ro là Nhà trường/Khoa phải có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ, chú ý đến công tác tuyển dụng, có chính sách thu hút GV để đảm bảo tính kế cận đội ngũ. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ, chế độ đãi ngộ và động viên phù hợp để giữ chân GV, đặc biệt các GV có trình độ chuyên môn cao.

7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT, không đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được ngành dự kiến mở. Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, GV, nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với GV, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường đang đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí và công nghệ kỹ thuật ô tô, trình độ đại học nên có thể bố trí GV sang giảng dạy đại học hoặc

có kế hoạch, thông báo để cho GV có sự chủ động trong sắp xếp công việc; hoặc tạo điều kiện cho GV có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để GV có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo là ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà học viên đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học; hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

VIII. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án mở ngành đào tạo ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8520103 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT- BGDDT ngày 18/01/2022 ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDDT ngày 10/10/2024, theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường ĐHSD cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành ngành kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8520103 theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường, BGH;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT, ĐT&TS, L&GDĐC.



TS. Đỗ Văn Đình